TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **346/**2025/DS-ST
Ngày: 08-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Ông Phạm Văn Tuyền.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên toà: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty T2**.

Địa chỉ: Lầu A tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Bích T**, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu A tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền số 10/2025/UQ-JIVF-LM ngày 26/02/2025).

Bị đơn: Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 2003.(vắng mặt)

Địa chỉ: B ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T2 JACCS có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Bích T trình bày:

Ngày 23/08/2023 bà Lê Thị T1 có ký hợp đồng tín dụng số 930270004482943000 với Công ty T2 JACCS vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Lãi suất: 3.8700%/tháng. Thời hạn vay: 24 tháng.

Thực hiện hợp đồng Công ty T2 đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và bà T1 đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì bà T1 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí quản lý khoản vay trong vòng 24 tháng, mỗi tháng bà T1 phải thanh toán cho Công ty T2 JACCS số tiền là 1.306.335 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 22/09/2023.

Từ ngày 22/09/2023 đến ngày 22/11/2023 bà T1 thanh toán cho Công ty T2 JACCS được số tiền là 2.613.336 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 1.110.937 đồng; lãi: 1.478.399 đồng; lãi quá hạn: 0 đồng; phí quản lý khoản vay: 24.000 đồng). Tuy nhiên, từ sau ngày 22/11/2023 đến nay, bà T1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 JACCS và cố tình lần tránh.

Vì vậy, việc bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty T2 JACCS. Căn cứ Điều 3; Điều 7; Điều 8; Điều 11 hợp đồng số 930270004482943000 ngày 23/08/2023; Công ty T2 JACCS yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị T1 phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T2, tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 08/5/2025 là: 31.140.404 đồng (trong đó, nợ gốc là: 18.889.063 đồng; nợ lãi: 9.637.969 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.457.372 đồng; phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng).

Yêu cầu bà Lê Thị T1 tiếp tục phải thanh toán cho Công ty T2 JACCS tiền lãi, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 08/5/2025 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết vào ngày 23/8/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự cho bị đơn bà Lê Thị T1 tham gia tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Nguyễn Bích T có đơn đề

nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Lê Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 196; Khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 JACCS. Về án phí: Bà Lê Thị T1 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T2 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Lê Thị T1 có nơi cư trú tại huyện B nên căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự được ký kết giữa các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ngày 23/8/2023 giữa Công ty T2 JACCS và bà Lê Thị T1 có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Lê Thị T1 và đại diện Công ty T2;

Căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 23/8/2023 Công ty T2 JACCS có chuyển vào số tài khoản của bà Lê Thị T1 được lập tại Ngân hàng TMCP Q số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 23/8/2023 Công ty T2 JACCS có cho bà Lê Thị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng;

Xét tính hợp pháp của sự thỏa thuận cho vay giữa các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội dung và hình thức của Hợp đồng tín dụng ngày 23/8/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*" Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...."*

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".*

Xét bị đơn bà Lê Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ lãi:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ngày 23/8/2023 được ký kết giữa các bên, nhận thấy sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

Căn cứ Lịch sử thanh toán chi tiết ngày 08/5/2025, Bảng kê tiền lãi chi tiết ngày 08/5/2025 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị T1 đã thanh toán cho Công ty T2 JACCS tổng số tiền: 2.613.336 đồng. (trong đó, nợ gốc: 1.110.937 đồng; lãi: 1.478.399 đồng; lãi quá hạn: 0 đồng; phí quản lý khoản vay: 24.000 đồng).

Kể từ ngày 22/11/2023 cho đến nay bị đơn đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đã ký kết. Do bà Lê Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn và yêu cầu bà Lê Thị T1 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết vào ngày 23/8/2023.

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...".

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Do bị đơn bà Lê Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán các khoản lãi là có cơ sở theo quy định Điều 4 Hợp đồng tín dụng, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[4.3] Căn cứ kết quả xác minh và Thông báo thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Công an thành phố C, tỉnh An Giang cung cấp ngày 25/7/2024 nội dung thể hiện thông tin cư trú hiện tại của bà Lê Thị T1 ở địa chỉ: B ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của Công ty T2 về việc yêu cầu bà Lê Thị T1 trả toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh của Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 23/8/2023 nhưng bị đơn vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh và bị đơn phải chịu hậu quả về việc không phản đối và không chứng minh của mình.

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện

nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/5/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 23/8/2023 cho Công ty T2 JACCS tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2025 là: 31.140.404 đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là: 18.889.063 đồng; số tiền lãi trong hạn: 9.637.969 đồng; số tiền lãi quá hạn: 2.457.372 đồng; phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng và bà T1 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/5/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty T2 JACCS không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Công ty T2 JACCS số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, 119, Điều 280, Khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Lê Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T2 JACCS tổng cộng số tiền là: 31.140.404 đồng (ba mươi mốt triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 18.889.063 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 9.637.969 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 2.457.372 đồng; phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Thị T1 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi và phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T1 phải chịu 1.557.020 đồng (một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Công ty T2 JACCS số tiền 530.000 đồng (năm trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003346 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (01);
- VKSND TP.HCM (01);
- VKSND H. Bình Chánh, Tp. HCM (01);
- CC THADS H. Bình Chánh, Tp. HCM (01);
- CC THADS Tp. Châu Đốc, tỉnh An Giang (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu hồ sơ (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Nguyễn Thanh Thảo